

**TÒA ÁN NHÂN DÂN.
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 01-11- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Kỳ

Bà Thanh Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-DS ngày 16/8/2019 (Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 24/2019/QĐST-DS ngày 30/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2019/QĐ-ST ngày 10/10/2019) giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Mai L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Jolly Ave S Apt 5 Clarkston, Ga 30021, USA.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Khắc B, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim O, sinh năm 1961.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: D42 Nguyễn Viết X, khu phố 4, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà Trịnh Thị Mai L không có họ hàng với vợ chồng bà Phạm Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T mà chỉ là chỗ quen biết, nhưng thấy hoàn cảnh vợ chồng ông T, bà O gặp khó khăn nên bà L đã cho ông T, bà O mượn tiền để làm nhà. Năm 2014 và năm 2015, bà L đã nhiều lần chuyển tiền từ Hoa Kỳ về Việt Nam cho vợ chồng bà O ông T mượn, với tổng số tiền là 42.000 USD. Việc mượn tiền hai bên không làm giấy tờ. Sau khi ông T, bà O mượn tiền và xây dựng nhà mới thì bà L không liên hệ được với vợ chồng bà O, ông T. Ngày 09/12/2018, bà L về Việt Nam và đã đến nhà bà O, ông T để đòi nợ nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Từ khi mượn tiền đến nay, ông T, bà O chưa trả cho bà L.

Bà Trịnh Thị Mai L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận buộc vợ chồng bà Phạm Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Trịnh Thị Mai L số tiền 960.000.000 đồng, tương đương với 42.000 USD.

Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là bản phô tô, bằng tiếng Anh với tiêu đề Transactions Report và một USB nguyên đơn cho rằng chứa đựng nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà L và vợ chồng bà O tại nhà bà O vào ngày 09/12/2018, có sự chứng kiến của Công an phường Phú Tài, thành phố P.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà Trịnh Thị Mai L là con nuôi của bà Phạm Thị L, bà L là vợ của ông Phạm M (ông M là cha bà O, có hai vợ, bà L là vợ trước, mẹ bà O là vợ sau) nên bà O, bà L thường xuyên qua lại với nhau và coi nhau như chị em. Trước khi xuất cảnh sang Mỹ thì vợ chồng bà L có về nhà bà O, ông T ở phường T, thành phố P để chơi, qua nói chuyện biết được hoàn cảnh khó khăn của gia đình bà O, ông T không có tiền sửa chữa nhà cửa nên bà L nói sẽ cho bà O, ông T tiền để xây nhà để khi có dịp về Việt Nam bà L có nơi để nghỉ ngơi.

Bà O, ông T xác nhận trong năm 2014 và 2015, bà L đã nhiều lần gửi tiền về Việt Nam cho bà O, ông T tổng số tiền là 42.000.000 USD qua dịch vụ chuyển tiền từ nước ngoài về, người nhận có khi là bà O, có khi là ông T. Bà O, ông T đã sử dụng số tiền bà L gửi về để xây nhà và nhà xây xong trong năm 2015. Bà O, ông T cho rằng số tiền 42.000.000 USD là do bà L tự nguyện cho vợ chồng bà O nên nay bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà O trả số tiền trên thì bà O, ông T không đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn cho rằng đã cho bị đơn mượn 42.000 USD nay nguyên đơn đòi lại số tiền đã cho bị đơn mượn thì đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn thừa nhận có nhận được 42.000

USD của nguyên đơn, bị đơn cho rằng đây là tiền nguyên đơn tặng cho bị đơn nhưng bị đơn không có tài liệu chứng minh, hơn nữa vào ngày 09/12/2018 bị đơn cũng đã thừa nhận có mượn tiền của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn 960.000.000đ tương đương với 42.000 USD là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 960.000.000đ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 960.000.000 đồng, tương đương 42.000.USD mà nguyên đơn cho rằng đã cho bị đơn mượn nhưng bị đơn không trả. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đều xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi lại tài sản”, nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Việc xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự vì nội dung tranh chấp đã được Tòa án thụ lý, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Trong vụ án này nguyên đơn là người Việt Nam ở nước ngoài, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 4, phường Phú Tài, thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[2] Những nội dung các bên đã thừa nhận: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền mà nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn là 42.000 USD.

[3] Nội dung các bên đang tranh chấp: Theo nguyên đơn thì số tiền 42.000 USD là số tiền nguyên đơn cho bị đơn mượn để xây dựng nhà. Theo bị đơn thì số tiền trên là do nguyên đơn cho bị đơn chứ bị đơn không có mượn của nguyên đơn.

[4] Bị đơn thừa nhận có nhận 42.000 USD của nguyên đơn. Nguyên đơn có cung cấp một USB ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa bà Trịnh Thị Mai L và bà Phạm Thị Oanh diễn ra tại nhà bà O vào ngày 09/12/2018. Bà O thừa nhận trong đoạn ghi âm mà nguyên đơn cung cấp có giọng nói của bà và bà đã nói là có mượn tiền của bà O. Tuy nhiên bị đơn cho rằng vợ chồng bị đơn bị ép buộc (do phía nguyên đơn có nhiều người, bà O sợ nên mới nói là có mượn tiền của bà L) nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc bị đơn bị ép buộc phải thừa nhận có mượn tiền, trong khi các bên đều thừa nhận đoạn ghi âm mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án được thực hiện ngay tại nhà của bị đơn (khu phố 4, phường T, thành phố P) và có mặt Công an phường Phú Tài, thành phố P. Tại biên bản xác minh ngày 26/10/2019 đối với ông Lê Minh Tú, Công an phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận cũng thể hiện: Ngày 09/12/2018, tại nhà bà Phạm Thị Kim O, bà Trịnh Thị Mai L có đến nhà của bà O, ông T để đòi lại tài sản. Trong quá trình đòi lại

tài sản, các bên có cãi vã về số tiền 42.000USD gây mất trật tự tại địa phương (bà L yêu cầu ông T trả số tiền trên nhưng ông T, bà O lại nói là có mượn số tiền mà bà L yêu cầu nhưng không có khả năng trả).

[5] Như vậy, bị đơn đã thừa nhận có nhận 42.000 USD của nguyên đơn, thừa nhận có mượn của nguyên đơn số tiền này. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Bị đơn không chứng minh được số tiền nhận của nguyên đơn là do nguyên đơn tặng cho bị đơn nên nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn là có căn cứ. Mặc dù hai bên không có hợp đồng bằng văn bản, nhưng từ sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn cũng như các chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện hai bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản, không có lãi và không xác định kỳ hạn trả nợ, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết. Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định: Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về việc trả nợ, nhưng các đương sự đã thừa nhận ngày 09/12/2018, nguyên đơn đã đến nhà bị đơn yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn không trả. Như vậy, nguyên đơn đã báo trước cho bị đơn việc trả nợ nên nay nguyên khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ tiền vay là có căn cứ.

[6] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 42.000 USD, quy đổi thành tiền Việt Nam là 960.000.000 đ. Theo công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 01/11/2019, thì tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ là một đô la Mỹ bằng 23.138 đồng. Quy đổi 42.000 USD bằng 971.790.000đ. Do nguyên đơn chỉ yêu cầu quy đổi thành 960.000.000đ, thấp hơn tỷ giá quy đổi nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn bà Trịnh Thị Mai L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 463, 466, 469, 688 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Mai L. Buộc bà Phạm Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T trả cho bà Trịnh Thị Mai L 960.000.000đ (chín trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim O, ông Nguyễn Văn T phải chịu 40.800.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trịnh Thị Mai L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trịnh Thị Mai L số tiền 20.400.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0025780 ngày 13/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân